

Số: 22

Ngày 3/6/2024

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 22 xin giới thiệu các nội dung đáng chú ý sau:

➤ Nghị quyết 76/NQ-CP bổ sung đối tượng được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước tại Nghị quyết 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

➤ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

➤ Quyết định 440/QĐ-TTg danh mục bí mật Nhà nước lĩnh vực y tế độ Tối mật gồm: Hồ sơ bệnh án, thông tin, kết quả khám bệnh, chữa bệnh, kiểm tra sức khỏe của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

➤ Bản tin tuần này xin giới thiệu đến các đơn vị 02 văn bản trên bàn soạn thảo: Dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. BỔ SUNG LÀM RÕ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT NĂM 2022 BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI COVID-19

Ngày 24/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị quyết 76/NQ-CP về đối tượng được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước tại Nghị quyết 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ về giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

Bổ sung làm rõ đối tượng được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước tại Điều 1 của Nghị quyết số 07/NQ-CP như sau: Việc ảnh hưởng của dịch Covid-19 quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ làm ảnh hưởng chung đến kinh tế cả nước; tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà nước cho thuê đất, thuê mặt nước trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất, thuê mặt nước hằng năm đều thuộc đối tượng được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ.

Đối với người thuê đất, thuê mặt nước đã nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2022 theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 30/01/2023 của Chính phủ thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này (bao gồm cả hồ sơ đề nghị giảm

tiền thuê đất, thuê mặt nước mà người thuê đất, thuê mặt nước đã nộp đúng theo quy định nhưng đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa được xử lý).

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 24/5/2024.

2. BỔ SUNG QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM LẤY Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Ngày 25/5/2024, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 59/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

Theo đó, đánh giá tác động của chính sách theo các nội dung sau: Tác động đối với hệ thống pháp luật được đánh giá trên cơ sở phân tích về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của chính sách với hệ thống pháp luật; tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam làm thành viên; tác động về kinh tế - xã hội được đánh giá trên cơ sở phân tích chi phí, lợi ích, tác động tích cực, tiêu cực về một hoặc một số nội dung liên quan đến sản xuất, kinh doanh; việc làm, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường; quốc phòng, an ninh; các vấn đề khác có liên quan đến kinh tế - xã hội; tác động về giới (nếu có) được

đánh giá trên cơ sở phân tích về cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới; tác động của thủ tục hành chính được đánh giá trên cơ sở phân tích về sự cần thiết, tính hợp lý và chi phí tuân thủ của thủ tục hành chính để thực hiện chính sách.

Cơ quan lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan, tổ chức có liên quan; lấy ý kiến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Cơ quan lập đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách trong đề nghị xây dựng nghị quyết, các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương lấy ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cơ quan, tổ chức có liên quan; lấy ý kiến Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đối với dự án, dự thảo liên quan đến quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp.

Cơ quan chủ trì soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp

tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đề nghị xây dựng luật, nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; nghị định của Chính phủ. Trường hợp hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật không đầy đủ, chậm nhất là 03 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng Chính phủ có văn bản yêu cầu cơ quan chủ trì lập đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ

Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2024.

3. QUY ĐỊNH MỚI VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG NẠO VÉT TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIÊN VÀ VÙNG NƯỚC ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Ngày 20/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 57/2024/NĐ-CP về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Theo đó, trước khi tiến hành thi công nạo vét, Chủ đầu tư thông báo kế hoạch triển khai thực hiện (thời gian, tiến độ thi công, quy mô công trình, chủng loại và số lượng phương tiện thi công, hình thức thực hiện, khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển) đến cơ quan quản lý chuyên ngành (Cảng vụ hàng hải khu vực, cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có công

trình và lắp đặt biển báo tại khu vực gần công trường thi công.

Nội dung giám sát công tác thi công, đổ chất nạo vét trong suốt thời gian từ khi bắt đầu đến khi kết thúc hoạt động nạo vét, bao gồm: Giám sát chặt chẽ phương tiện, thiết bị thi công nạo vét bảo đảm thi công đúng phạm vi, thiết kế công trình; giám sát chặt chẽ hành trình của các phương tiện, thiết bị vận chuyển, hoạt động nhận chìm chất nạo vét ở biển, hoạt động đổ chất nạo vét vào khu vực, địa điểm được cơ quan có thẩm quyền cấp phép phê duyệt hoặc chấp thuận; kiểm tra, giám sát lắp đặt, duy trì hoạt động thiết bị giám sát nạo vét, tổ chức quản lý dữ liệu giám sát nạo vét để đáp ứng yêu cầu quản lý, kiểm tra giám sát; giám sát thi công nạo vét bảo đảm các yêu cầu về an toàn, bảo vệ môi trường và các yêu cầu khác theo quy định pháp luật.

Các yêu cầu đối với thiết bị giám sát nạo vét bao gồm: Thiết bị giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công: thiết bị AIS để tự động cung cấp thông tin về vị trí thi công của phương tiện thông qua trạm bờ AIS đến trung tâm dữ liệu AIS; thiết bị giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét gồm: thiết bị AIS cung cấp thông tin về hành trình di chuyển của phương tiện thông qua trạm bờ AIS đến Trung tâm dữ liệu AIS; thiết bị ghi hình cung cấp các hình ảnh khoang chứa chất nạo vét từ khi bắt đầu tiếp nhận chất nạo vét, trong suốt hành trình di chuyển đến vị trí đổ, bắt đầu đổ cho đến khi kết thúc đổ chất nạo vét tại vị trí quy định; thiết bị giám sát nạo vét phải được

lắp đặt tại vị trí phù hợp, cố định trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển đổ chất nạo vét, thuận lợi cho việc ghi nhận lưu trữ đầy đủ dữ liệu, hình ảnh, có biện pháp chống các tác động làm sai lệch dữ liệu (như kẹp chì, niêm phong...), bảo đảm điều kiện hoạt động liên tục và ổn định trong suốt thời gian thi công; thiết bị giám sát trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển do nhà thầu chịu trách nhiệm đầu tư. Trạm bờ AIS và Trung tâm dữ liệu AIS do chủ đầu tư, nhà đầu tư chịu trách nhiệm đầu tư hoặc thuê dịch vụ.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 05/7/2024.

4. DANH MỤC BÍ MẬT NHÀ NƯỚC LĨNH VỰC Y TẾ

Ngày 22/5/2024, Thủ tướng đã ra Quyết định 440/QĐ-TTg ban hành Danh mục bí mật Nhà nước lĩnh vực y tế.

Theo đó, bí mật Nhà nước độ Tối mật gồm: Hồ sơ bệnh án, thông tin, kết quả khám bệnh, chữa bệnh, kiểm tra sức khỏe của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Bí mật nhà nước độ Mật gồm: Số người mắc, người chết do bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh chưa được Bộ Y tế công khai.

Tên, nguồn gốc, độc lực, khả năng lây lan, đường lây của các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới phát hiện, chưa xác định được có liên quan đến sức khỏe, tính mạng con người, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội chưa được công khai.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 22/5/2024.

5. KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÒNG THỦ DÂN SỰ ĐẾN NĂM 2030

Ngày 23/5/2024, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định 444/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo.

Cụ thể, Giai đoạn 1 đến năm 2025, tập trung vào nhiệm vụ chính sau: Tổ chức lại Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia trên cơ sở các Ban Chỉ đạo cấp quốc gia: Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia; Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng, chống thiên tai; Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; kiện toàn, hoàn thiện cơ cấu tổ chức, cơ chế lãnh đạo, chỉ huy điều hành phòng thủ dân sự từ trung ương đến địa phương và các cơ quan, đơn vị, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tinh, gọn, hiệu quả; rà soát, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan bảo đảm phù hợp với Luật Phòng thủ dân sự và thực tiễn; rà soát, hoàn thiện hệ thống kế hoạch phòng thủ dân sự bảo đảm phù hợp thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội ngành, lĩnh vực của cả nước và địa phương; bảo đảm thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm thiểu thiệt hại do sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh; bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo cho cấp ủy đảng; năng lực quản lý, chỉ huy, điều hành hoạt động phòng thủ dân sự cho cán bộ

lãnh đạo các cấp chính quyền địa phương...

Nhiệm vụ trong giai đoạn 2 từ năm 2025 đến năm 2030 và những năm tiếp theo như sau: Tiếp tục hoàn thiện phương thức, nội dung thông tin tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kỹ năng phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả chiến tranh, sự cố, thảm họa, thiên tai, dịch bệnh cho cộng đồng; tập trung đầu tư cho lực lượng chuyên trách đủ sức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt đối với các loại hình sự cố, thiên tai, có nguy cơ cao; chú trọng nâng cao năng lực cho lực lượng tại chỗ, bảo đảm thực hiện tốt phương châm “bôn tại chỗ”; tăng cường huấn luyện, tập huấn, diễn tập thực nghiệm các vấn đề mới, phức tạp để nghiên cứu, rút kinh nghiệm, làm cơ sở hoàn thiện các phương án ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa, thiên tai, đồng thời nâng cao năng lực chỉ huy điều hành cho cán bộ các cấp, nâng cao kỹ năng cho lực lượng chuyên trách, kiêm nhiệm; tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án trọng điểm về phòng thủ dân sự quốc gia...

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23/5/2024.

6. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

Ngày 22/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 17/CT-TTg về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2025.

Đối với đánh giá Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024: Bám

sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển đề ra tại Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030 và theo các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đánh giá đúng thực chất, bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, có so sánh với năm 2023 và các năm 2021 - 2023, bao gồm:

Các mục tiêu, nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội 06 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2024; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được trong phát triển kinh tế, xã hội, thể chế, kết cấu hạ tầng, môi trường, cải cách hành chính, chuyển đổi số, quốc phòng, an ninh; các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích kỹ các nguyên nhân chủ quan và khách quan; xác định các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong những tháng cuối năm để kịp thời khắc phục, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng, cải thiện đời sống Nhân dân trong những tháng cuối năm.

Đối với xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025: Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình, kết quả đã đạt được trong thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các năm 2021 - 2023; năm 2025 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Các mục tiêu, định hướng và giải pháp đề ra phải bám sát, cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, 03 đột phá chiến lược, 06 nhiệm vụ trọng

tâm, 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; kế hoạch của các ngành, lĩnh vực và các cấp địa phương phải phù hợp với quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phân đấu đạt được mục tiêu theo chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, kế hoạch 5 năm về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (đối với các địa phương).

Việc đề xuất các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực phụ trách phải: Thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; bảo đảm khả năng thu thập thông tin, theo dõi liên tục, đánh giá định kỳ; không đề xuất các chỉ tiêu chuyên ngành phức tạp, chủ yếu phục vụ mục đích nghiên cứu; bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, có khả năng so sánh với dữ liệu quá khứ; bảo đảm tính gắn kết chặt chẽ và phản ánh trực tiếp tình hình thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; phù hợp với thông lệ.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/5/2024.

7. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030

Ngày 28/5/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị 18/CT-TTg về việc xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030. Cụ thể như sau:

Xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn 2026 - 2030: Dự báo bối cảnh, tình hình chính trị, kinh tế, tài chính thế giới và trong nước có ảnh hưởng đến khả năng

huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách Nhà nước trong 5 năm giai đoạn 2026 – 2030; phân tích những khó khăn, thách thức, các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể trong giai đoạn 2026 – 2030.

Xây dựng mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể, chủ yếu về tài chính - ngân sách Nhà nước, gồm: Thu và cơ cấu thu ngân sách, chi và cơ cấu chi ngân sách; bội chi ngân sách Nhà nước; nợ Chính phủ, nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia; huy động và phân phối các nguồn lực, cơ cấu ngân sách Nhà nước trong 05 năm giai đoạn 2026 – 2030; xác định khung cân đối ngân sách Nhà nước 05 năm giai đoạn 2026 - 2030; các chỉ tiêu về quản lý nợ theo quy định của Luật Quản lý nợ công trong giai đoạn 2026 - 2030, gắn với định hướng thu hút vốn ODA thể hệ mới ...

Xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2026 - 2030: Dự báo tình hình kinh tế, tài chính, chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu tại địa phương (tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn - GRDP), chỉ số giá tiêu

dùng, tăng trưởng của các lĩnh vực sản xuất, ngành hàng và giá các sản phẩm, hàng hóa chủ chốt) có ảnh hưởng đến khả năng huy động và nhu cầu sử dụng các nguồn lực tài chính - ngân sách địa phương trong 05 năm giai đoạn 2026 – 2030; xác định mục tiêu tổng quát của kế hoạch tài chính 05 năm của địa phương; mục tiêu, định hướng huy động và phân phối các nguồn lực của địa phương trong thời gian 05 năm kế hoạch; xác định mục tiêu cụ thể, chủ yếu; khung cân đối về tài chính - ngân sách của địa phương trên cơ sở các chính sách, chế độ hiện hành.

Các chỉ tiêu về quản lý nợ của địa phương, gồm: Hạn mức vay, dư nợ vay của chính quyền địa phương; dự kiến vay, trả nợ; dự báo những rủi ro tác động đến khung cân đối ngân sách địa phương và các chỉ tiêu quản lý về nợ của chính quyền địa phương; các giải pháp tài chính khác nhằm thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Chỉ thị này có hiệu lực thi hành từ ngày 28/5/2024.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

8. 03 TRƯỜNG HỢP ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KHUNG GIÁ TÍNH THUẾ TÀI NGUYÊN

Ngày 20/5/2024, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 41/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông

tư 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau và Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015

của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên.

Các trường hợp điều chỉnh, bổ sung khung giá tính thuế tài nguyên như sau: Giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động giảm trên 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên; giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động tăng trên 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên; phát sinh loại tài nguyên mới chưa được quy định trong Khung giá tính thuế tài nguyên.

Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động giảm trên 20% so với mức giá tối thiểu của Khung giá tính thuế tài nguyên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản về Bộ Tài chính để cung cấp thông tin kèm theo đề xuất, hồ sơ và phương án thuyết minh cụ thể làm cơ sở xem xét việc điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên sau khi Bộ Tài chính điều chỉnh Khung giá tính thuế tài nguyên.

Trường hợp giá tài nguyên phổ biến trên thị trường biến động thấp hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối thiểu hoặc cao hơn nhưng không quá 20% so với mức giá tối đa của Khung giá tính thuế tài nguyên, Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan xác định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên hoặc văn bản quy định

điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15/7/2024.

9. HƯỚNG DẪN XÁC ĐỊNH, QUẢN LÝ CHI PHÍ QUY HOẠCH CHI TIẾT THEO QUY TRÌNH RÚT GỌN

Ngày 20/5/2024, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 02/2024/TT-BXD hướng dẫn xác định và quản lý chi phí quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn.

Chi phí lập, thẩm định quy hoạch tổng mặt bằng được xác định như sau: Chi phí lập quy hoạch tổng mặt bằng (đối với các khu vực trong phạm vi phát triển đô thị): xác định bằng 65% chi phí lập quy hoạch chi tiết đô thị. Chi phí lập quy hoạch chi tiết đô thị xác định theo hướng dẫn xác định chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết đô thị hiện hành.

Chi phí lập quy hoạch tổng mặt bằng (đối với các khu vực trong khu chức năng): xác định bằng 65% chi phí quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng. Chi phí lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng xác định theo hướng dẫn xác định chi phí lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng hiện hành.

Trường hợp cần phải điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng thì chi phí điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xác định theo hướng dẫn xác định chi phí điều chỉnh cục bộ của đồ án quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng hiện hành. Phí thẩm định đồ án quy hoạch tổng mặt bằng xác định theo quy định hiện hành về phí thẩm định các đồ án quy hoạch. Chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng và một số

khoản chi phí khác xác định theo hướng dẫn có liên quan đến chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng hiện hành.

Việc quản lý chi phí lập, phí thẩm định đồ án quy hoạch tổng mặt bằng; chi phí quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch tổng mặt bằng thực hiện theo quy định quản lý chi phí lập quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc theo quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành đối với trường hợp chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng.

Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng tổ chức thẩm định, phê duyệt dự toán chi phí lập, thẩm định quy hoạch, quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch. Trường hợp Chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng, thẩm quyền phê duyệt chi phí lập quy hoạch, quản lý nghiệp vụ lập quy hoạch thực hiện theo quy định quản lý chi phí đầu tư xây dựng hiện hành.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/7/2024.

10. KẾT QUẢ HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Ngày 24/5/2024, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 1205/QĐ-BKHĐT Về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kỳ 2019 - 2023.

Công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư kỳ 2019-2023, bao gồm: Tập hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023 (bản điện tử); Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong kỳ hệ thống hóa 2019-2023; Danh mục văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023.

Vụ Pháp chế phối hợp với Trung tâm Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số, Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan thực hiện việc đăng tải kết quả hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; gửi đăng Công báo các Danh mục văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực toàn bộ hoặc một phần thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023 theo quy định pháp luật.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật theo tinh thần Hiến pháp năm 2013; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng trong từng giai đoạn, từng khâu, bước của quy trình xây dựng pháp luật; kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm trong xây dựng pháp luật; phù hợp với quy định của các luật về tổ chức như Luật Tổ chức Quốc hội, Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương... Bộ Tư pháp đã xây dựng dự thảo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên cơ sở kế thừa các quy định đang còn phù hợp hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sau đây gọi là Luật năm 2015) và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 (sau đây gọi là Luật năm 2020); dự thảo Luật còn bổ sung, sửa đổi các về nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật.

Dự thảo Luật tập trung vào 03 chính sách. Cụ thể, chính sách 1 là tiếp tục thể chế hóa kịp thời, đúng đắn, đầy đủ chủ trương, đường lối

của Đảng về xây dựng pháp luật; bổ sung cụ thể hơn các nguyên tắc trong xây dựng, ban hành và thi hành VBQPPL, bảo đảm sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng; giảm hình thức VBQPPL; xác định rõ cơ quan có thẩm quyền ban hành VBQPPL. Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng VBQPPL theo hướng xác định rõ và tăng cường vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của các chủ thể trong xây dựng pháp luật; bảo đảm quy trình chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, hiệu quả là chính sách thứ 2 được dự thảo Luật đề ra. Cuối cùng, chính sách thứ 3 là tiếp tục hoàn thiện cơ chế tổ chức thi hành VBQPPL, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng với thi hành VBQPPL; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý VBQPPL trái pháp luật; tăng cường nguồn lực cho công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật.

Dự thảo đề xuất quy định cụ thể thứ bậc hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật. Xác định rõ thứ bậc hiệu lực của luật với nghị quyết của Quốc hội; pháp lệnh với nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội; thông tư với thông tư liên tịch; nghị quyết của Hội đồng nhân dân với quyết định của Ủy ban nhân dân. Quy định thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật. Bổ sung trường hợp văn bản quy phạm pháp luật có thể quy định hiệu lực sớm hơn so với quy định của Luật năm 2015 trong một số trường hợp nhất định, hiệu lực từng phần trong

một văn bản. Quy định rõ văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực trong trường hợp đã hết thời hạn theo giai đoạn được quy định trong văn bản. Bổ sung trường hợp văn bản có hiệu lực ngay khi ban hành. Quy định rõ hơn các trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, trừ trường hợp được giữ lại toàn bộ hoặc một phần còn phù hợp với các quy định của văn bản quy phạm pháp luật mới nhằm giảm đáng kể việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Quy định rõ các trường hợp được phép quy định về thay đổi hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật hiện hành trong một văn bản khác để hạn chế tính phức tạp, khó tiếp cận, cập nhật của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Quy định cụ thể hơn hiệu lực trở về trước của văn bản, trong đó rõ về phạm vi, thời hạn, đối tượng, nội dung đánh giá việc tác động có lợi, bất lợi hơn của đối tượng hưởng chính sách. Quy định tiêu chí để trong một số trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của chính quyền địa phương được quy định hiệu lực trở về trước (chỉ đối với văn bản quy phạm pháp luật do cấp tỉnh ban hành). Quy định về ngưng hiệu lực của văn bản. Không quy định văn bản quy định chi tiết hết hiệu lực khi văn bản giao quy định chi tiết hết hiệu lực như quy định hiện hành. Quy định rõ nguyên tắc áp dụng văn bản; quy định rõ tiêu chí để áp dụng nguyên tắc ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành. Quy định về đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật. Quy định rõ ràng, cụ thể hơn về Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật...

Bộ Tư pháp đang lấy ý kiến Nhân dân và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để hoàn thiện dự thảo trình Chính phủ xem xét đề nghị bổ sung dự án Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024); thông qua tại Kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025).

2. ĐỀ XUẤT GIẢM 50% ĐỐI VỚI MỨC THU MỘT SỐ KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến góp ý với dự thảo Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo đó, Thông tư đề xuất từ 01/7/2024 đến hết ngày 31/12/2024 thực hiện giảm mức thu một số khoản phí, lệ phí. Cụ thể, lệ phí cấp hộ chiếu, giấy thông hành, giấy phép xuất cảnh, tem AB bằng 80% mức thu lệ phí quy định tại Mục I Biểu mức thu phí, lệ phí ban hành kèm theo Thông tư số 25/2021/TT-BTC ngày 07 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam.

Lệ phí cấp Căn cước công dân bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại Điều 4 Thông tư số 59/2019/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp Căn cước công dân. Lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy

chuyên dùng bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm

ngặt về an toàn. Đối với phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy giảm 50% so với mức thu phí quy định tại Biểu phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy ban hành kèm theo Thông tư số 02/2021/TT-BTC ngày 08 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy...

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Trường hợp nào bị phong tỏa tài khoản thanh toán một phần hoặc toàn bộ số dư trên tài khoản thanh toán?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/5/2024 quy định tài khoản thanh toán bị phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số dư trên tài khoản thanh toán trong các trường hợp sau:

- Theo thỏa thuận trước giữa chủ tài khoản thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc theo yêu cầu của chủ tài khoản;

- Khi có quyết định hoặc yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán của khách hàng hoặc thực hiện theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyên tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của bên chuyên tiền sau khi ghi Có vào tài

khoản thanh toán của khách hàng, số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán không được vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót;

- Khi có yêu cầu phong tỏa của một trong các chủ tài khoản thanh toán chung trừ trường hợp có thỏa thuận trước bằng văn bản giữa tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán và các chủ tài khoản thanh toán chung.

2. Hỏi: Việc đóng tài khoản thanh toán được thực hiện khi nào?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 12 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/5/2024 quy định việc đóng tài khoản thanh toán được thực hiện khi:

- Chủ tài khoản thanh toán có yêu cầu và đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán;

- Chủ tài khoản thanh toán là cá nhân bị chết, bị tuyên bố đã chết;

- Tổ chức có tài khoản thanh toán chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;

- Chủ tài khoản thanh toán vi phạm hành vi bị cấm về tài khoản thanh toán quy định tại khoản 5, khoản 8 Điều 8 Nghị định này.

- Các trường hợp theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa chủ tài khoản thanh toán với tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Hỏi: Đơn vị nào được phát hành, cung ứng ví điện tử, thẻ trả trước?

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/5/2024 quy định ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phát hành, cung ứng ví điện tử, thẻ trả trước. Việc cung ứng, phát hành và sử dụng ví điện tử, thẻ trả trước thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

4. Hỏi: Trường hợp bị đóng tài khoản thanh toán thì số dư trong tài khoản được xử lý như thế nào?

Trả lời: Theo khoản 2 Điều 12 Nghị định số 52/2024/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 15/5/2024 quy định xử lý số dư khi đóng tài khoản thanh toán:

- Chi trả theo yêu cầu của chủ tài khoản thanh toán hoặc được thực hiện theo thỏa thuận trước giữa chủ tài khoản thanh toán và tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán; trường hợp chủ tài khoản là người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, việc chi trả thực hiện theo yêu cầu người đại diện theo pháp

luật, người giám hộ phù hợp với quy định pháp luật dân sự; hoặc chi trả cho người thừa kế, đại diện thừa kế hợp pháp trong trường hợp chủ tài khoản thanh toán là cá nhân bị chết, bị tuyên bố đã chết;

- Chi trả theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên tài khoản thanh toán đã được thông báo mà không đến nhận./.